

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG SỐ 1

GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: THUẾ
NGÀNH/NGHỀ: KẾ TOÁN
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số : 368^{DT} /QĐ-CDXD1 ngày 10 tháng 08 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng số 1)*

Hà nội, năm 2021

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
LỜI NÓI ĐẦU	8
GIÁO TRÌNH MÔN HỌC	9
DANH MỤC VIẾT TẮT.....	9
Chương 1	12
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THUẾ	12
1. Nguồn gốc ra đời, khái niệm, vai trò, đặc điểm của thuế.....	12
1.1. Nguồn gốc ra đời -----	12
1.2. Khái niệm-----	12
1.3. Vai trò-----	13
1.4. Đặc điểm-----	15
2. Phân loại thuế	16
2.1. Phân loại theo phương thức đánh thuế-----	16
2.2. Phân loại theo đối tượng chịu thuế-----	16
2.3. Phân loại theo mức thuế -----	17
3. Các yếu tố cơ bản cấu thành nên một sắc thuế.....	18
3.1. Tên gọi của sắc thuế-----	18
3.2. Đối tượng chịu thuế -----	18
3.3. Đối tượng nộp thuế-----	18
3.4. Cơ sở tính thuế-----	19
3.5. Thuế suất -----	19
3.6. Quy trình khai báo, thủ tục và trách nhiệm, nghĩa vụ của người nộp thuế--	19
4. Câu hỏi luyện tập	20
Chương 2	23
THUẾ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU	23

<i>1. Giới thiệu chung về thuế xuất khẩu, nhập khẩu</i>	23
1.1. Khái niệm thuế xuất khẩu, nhập khẩu	23
1.2. Đặc điểm thuế xuất khẩu, nhập khẩu	24
<i>2. Nội dung cơ bản của luật thuế xuất nhập khẩu hiện hành ở Việt nam</i>	25
2.1. Đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế	25
2.2. Đối tượng nộp thuế	27
2.3. Phương pháp và căn cứ tính thuế	27
2.4. Quy trình khai báo và thủ tục nộp thuế	31
<i>3. Câu hỏi và bài tập luyện tập</i>	32
3.1. Câu hỏi trắc nghiệm	32
3.2. Bài tập luyện tập	34
<i>Chương 3</i>	37
<i>THUẾ TIÊU THU ĐẶC BIỆT</i>	37
<i>1. Giới thiệu chung về thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	37
1.1. Khái niệm thuế tiêu thụ đặc biệt	37
1.2. Đặc điểm thuế tiêu thụ đặc biệt	38
<i>2. Nội dung cơ bản của thuế tiêu thụ đặc biệt hiện hành ở Việt nam</i>	38
2.1. Đối tượng chịu thuế và không phải chịu thuế	38
2.2. Đối tượng nộp thuế	41
2.3. Phương pháp và căn cứ tính thuế	41
2.4. Thời điểm xác định thuế tiêu thụ đặc biệt:	47
2.5. Quy trình khai báo và thủ tục nộp thuế	47
<i>3. Câu hỏi và bài tập luyện tập</i>	49
3.1. Câu hỏi trắc nghiệm	49
3.2. Bài tập luyện tập	51
<i>Chương 4</i>	54
<i>THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG</i>	54

1. Giới thiệu chung về thuế giá trị gia tăng	54
1.1. Khái niệm thuế giá trị gia tăng-----	54
1.2. Đặc điểm thuế giá trị gia tăng-----	54
2. Nội dung cơ bản của luật thuế giá trị gia tăng hiện hành ở Việt nam	55
2.1. Đối tượng chịu thuế, không phải chịu thuế:-----	55
2.2. Đối tượng nộp thuế: -----	56
2.3. Các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT -----	56
2.4. Phương pháp và căn cứ tính thuế-----	57
2.5. Thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng-----	69
2.6. Quy trình khai báo và thủ tục nộp thuế -----	69
3. Câu hỏi và bài tập luyện tập	75
3.1. Câu hỏi trắc nghiệm	75
3.2. Bài tập luyện tập mẫu	77
Chương 5	80
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	80
1. Giới thiệu chung về thuế thu nhập doanh nghiệp	80
1.1. Khái niệm thuế thu nhập doanh nghiệp.-----	80
1.2. Đặc điểm thuế thu nhập doanh nghiệp-----	81
2. Nội dung cơ bản của thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành ở Việt nam.....	81
2.1. Đối tượng nộp thuế-----	81
2.2. Đối tượng chịu thuế -----	82
2.3. Phương pháp và căn cứ tính thuế-----	82
2.4. Quy trình khai báo và thủ tục nộp thuế -----	98
3. Câu hỏi và bài tập luyện tập	99
3.1. Câu hỏi trắc nghiệm.....	99
5.3.2. Bài tập luyện tập	102
Chương 6.....	105

<i>THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN</i>	105
<i>1. Giới thiệu chung về thuế thu nhập cá nhân</i>	105
1.1. Khái niệm thuế thu nhập cá nhân-----	105
1.2. Đặc điểm thuế thu nhập cá nhân-----	106
<i>2. Nội dung cơ bản của luật thuế thu nhập cá nhân hiện hành ở Việt nam</i>	106
2.1. Đối tượng nộp thuế-----	106
2.2. Đối tượng tính thuế-----	107
2.3. Phương pháp và căn cứ tính thuế-----	109
2.4. Quy trình khai báo và thủ tục nộp thuế -----	120
<i>3. Câu hỏi và bài tập luyện tập</i>	134
3.1. Câu hỏi trắc nghiệm	134
3.2. Bài tập luyện tập.....	137
<i>Chương 7</i>	140
<i>CÁC LOẠI THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP KHÁC</i>	140
<i>1. Thuế tài nguyên</i>	140
1.1. Đối tượng nộp thuế-----	140
1.2. Đối tượng chịu thuế -----	141
1.3. Phương pháp và căn cứ tính thuế-----	141
1.4. Quy trình khai báo và thủ tục nộp thuế -----	143
<i>2. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	145
2.1. Đối tượng nộp thuế-----	145
2.2. Đối tượng chịu thuế -----	146
2.3. Phương pháp và căn cứ tính thuế-----	148
2.4. Quy trình khai báo và thủ tục nộp thuế -----	152
<i>3. Lệ phí môn bài</i>	153
3.1. Đối tượng nộp lệ phí môn bài. -----	154
3.2. Đối tượng miễn nộp lệ phí môn bài. -----	154

3.3. Mức thu lệ phí môn bài -----	155
3.3. Quy trình khai báo và thủ tục nộp lệ phí môn bài -----	157
<i>4. Thuế bảo vệ môi trường</i>	<i>158</i>
4.1. Đối tượng nộp thuế -----	158
4.2. Đối tượng chịu thuế, không phải chịu thuế -----	159
4.3. Phương pháp và căn cứ tính thuế -----	159
4.4. Quy trình khai báo và thủ tục nộp thuế -----	160
<i>5. Lệ phí trước bạ</i>	<i>162</i>
5.1. Đối tượng nộp lệ phí trước bạ -----	162
5.2. Đối tượng tính lệ phí trước bạ -----	162
5.3. Phương pháp và căn cứ tính lệ phí trước bạ -----	162
5.4. Quy trình khai báo và thủ tục nộp thuế -----	164
<i>6. Câu hỏi luyện tập</i>	<i>165</i>
<i>PHỤ LỤC</i>	<i>168</i>
<i>TÀI LIỆU THAM KHẢO</i>	<i>184</i>

LỜI NÓI ĐẦU

Để đáp ứng yêu cầu về tài liệu giảng dạy, học tập và tài liệu tham khảo cho các ngành, các hệ đào tạo khác nhau của trường Cao đẳng xây dựng số 1, tập thể giảng viên khoa Kế toán - Tài chính đã biên soạn giáo trình “**Thuế**”.

Nội dung giáo trình giới thiệu những vấn đề chung về thuế, các yếu tố cấu thành một sắc thuế; đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế, căn cứ và phương pháp xác định các loại thuế cũng như quy trình khai báo và thủ tục nộp thuế.

Giáo trình “**Thuế**” dùng cho hệ cao đẳng và trung cấp khối ngành kinh tế do **ThS Chu Khánh Tường** – Phó trưởng bộ môn Kế toán làm chủ biên, trực tiếp biên soạn chương 1, 2, 3, 5 và **ThS Nguyễn Thị Hương** giảng viên bộ môn Kế toán biên soạn chương 4, 6, 7.

Nội dung của giáo trình gồm các chương:

- *Chương 1: Những vấn đề chung về thuế.*
- *Chương 2: Thuế xuất khẩu, nhập khẩu.*
- *Chương 3: Thuế tiêu thụ đặc biệt.*
- *Chương 4: Thuế giá trị gia tăng.*
- *Chương 5: Thuế thu nhập doanh nghiệp.*
- *Chương 6: Thuế thu nhập cá nhân.*
- *Chương 7: Các loại thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác.*

Giáo trình “**Thuế**” được biên soạn trên cơ sở kế thừa có chọn lọc nội dung các tài liệu đồng thời cập nhật mới nhất các văn bản pháp luật có liên quan, ngoài ra trong quá trình biên soạn chúng tôi còn nhận được rất nhiều ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các giảng viên trong và ngoài trường.

Trong quá trình biên soạn lần đầu khó tránh khỏi các sơ suất, chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để có thể hoàn chỉnh trong các lần tái bản tiếp theo.

Tập thể tác giả

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: THUẾ

Mã môn học: MH 14

Vị trí, tính chất của môn học:

+ Vị trí: Môn học được bố trí ở kỳ học thứ 2, sau môn Kinh tế vi mô

+ Tính chất: Là môn học chuyên ngành.

Mục tiêu môn học

- Về kiến thức:

+ Trình bày được khái niệm, đặc điểm, vai trò, phân loại thuế; Các yếu tố cơ bản của một sắc thuế.

+ Trình bày được khái niệm, đặc điểm, đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế, phương pháp tính thuế và các thủ tục về thuế: Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân.

+ Trình bày được khái niệm và phương pháp tính thuế của các loại thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác.

- Về kỹ năng:

+ Xác định được đối tượng chịu thuế, giá tính thuế và phương pháp tính thuế của các loại thuế: Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân.

+ Tính được các loại thuế: Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, lệ phí môn bài.

+ Lập được tờ khai thuế: Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Cập nhật kịp thời các văn bản, chế độ thuế.

+ Nghiêm túc, cẩn thận, trung thực, tự giác trong công việc, đồng thời chấp hành đúng luật quản lý thuế.

Nội dung của môn học:

DANH MỤC VIẾT TẮT

TT	KÝ HIỆU	CHÚ GIẢI
1	BDS	Bất động sản
2	BHXH	Bảo hiểm xã hội
3	BHYT	Bảo hiểm y tế
4	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
5	BTU	Đơn vị nhiệt Anh
6	BVMT	Bảo vệ môi trường
7	Casino	Ca-si-nô
8	CERs	Chứng chỉ giảm phát thải
9	CIF - Cost, Insurance and Freight	Tiền hàng, Bảo hiểm và Cước phí
10	DAF	Delivered At Frontier
11	DV	Dịch vụ
12	FOB - Free On Board	Giao lên bong tàu
13	Freight (F)	Phí vận tải
14	Golf	Gôn
15	GTGT	Giá trị gia tăng
16	HH	Hàng hóa
17	HTX	Hợp tác xã
18	Incoterms	Các điều khoản thương mại quốc tế
19	Insurance (I)	Phí bảo hiểm
20	Jackpot	Giắc-pốt
21	Karaoke	Ka-ra-ô-kê
22	KBNN	Kho bạc nhà nước
23	KD	Kinh doanh

TT	KÝ HIỆU	CHÚ GIẢI
24	Massage	Mát-xa
25	Naphtha	Nap-ta
26	NSNN	Ngân sách nhà nước
27	NGO	Tổ chức phi chính phủ nước ngoài
28	NHNN	Ngân hàng nhà nước
29	ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
30	Reformade component	Chế phẩm tái hợp
31	Slot	Sờ-lot
32	SDĐPNN	Sử dụng đất phi nông nghiệp
33	SX	Sản xuất
34	TNCN	Thu nhập cá nhân
35	TNCT	Thu nhập chịu thuế
35	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
36	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
37	UBND	Ủy ban nhân dân
38	USD	Đô la Mỹ
39	XNK	Xuất nhập khẩu

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THUẾ

Giới thiệu: Với thời gian 02 giờ, ở chương này giới thiệu những vấn đề chung về thuế: Khái niệm, đặc điểm, vai trò và các yếu tố cấu thành về sắc thuế.

Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế
- Trình bày được cách phân loại thuế
- Trình bày được các yếu tố cơ bản của một sắc thuế

Nội dung chính:

1. Nguồn gốc ra đời, khái niệm, vai trò, đặc điểm của thuế

1.1. Nguồn gốc ra đời

Sự tan rã của chế độ công xã nguyên thủy đã mở ra một thời kỳ mới của xã hội loài người, thời kỳ phát triển có sự tồn tại của Nhà nước. Nhà nước là công cụ của giai cấp này dùng để thống trị các giai cấp khác trong xã hội. Để trang bị cho bộ máy thống trị xã hội này, nhà nước phải trông chờ vào sự đóng góp của toàn thể dân chúng. Những khoản đóng góp mà người công dân rút ra từ thu nhập của mình chuyển cho Nhà nước, nhằm tạo nguồn vật chất cung ứng cho mọi mặt hoạt động của nhà nước - gọi là THUẾ.

Như vậy, thuế là một phạm trù kinh tế mang tính chất lịch sử và là yếu tố khách quan xuất phát từ yêu cầu đáp ứng chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước. Thuế là cơ sở vật chất chủ yếu của nhà nước, là nguồn kinh phí hoạt động của nhà nước.

Thuế tồn tại, phát triển và tiêu vong gắn liền với sự tồn tại, phát triển và tiêu vong của nhà nước.

1.2. Khái niệm

Các nhà kinh tế học tư bản về cơ bản có hai quan điểm nhìn nhận về thuế như sau:

Quan điểm thứ nhất cho rằng: Thuế là sự thỏa ước giữa một bên là nhà nước và một bên là đại diện của dân chúng (quốc hội), do đã có sự thỏa thuận

này nên việc nộp thuế hoàn toàn mang tính tự nguyện vì lợi ích an sinh của người nộp thuế.

Quan điểm thứ hai cho rằng: Thuế là nghĩa vụ của công dân đối với nhà nước, nhà nước không thể trông chờ vào việc tự nguyện đóng góp, mà phải dùng quyền lực để buộc các tầng lớp dân cư phải nộp thuế.

Thực chất, thuế là khoản thu bắt buộc, được xây dựng và thu về cho nhà nước bằng con đường quyền lực. Mục tiêu của thuế là bù đắp các khoản chi phí của bộ máy nhà nước và phục vụ cho lợi ích chung của cộng đồng. Trên phương diện kinh tế, thuế là một công cụ tác động vĩ mô đến tình hình kinh tế. Về phương diện xã hội, thuế được nhà nước sử dụng như phương tiện thực hiện phân phối lại thu nhập toàn xã hội.

Vậy, *Thuế là một khoản đóng góp bắt buộc từ các thể nhân và pháp nhân cho Nhà nước theo mức độ và thời hạn được pháp luật quy định nhằm sử dụng cho mục đích công cộng.*

1.3. Vai trò

Thứ nhất, Thuế là khoản thu chủ yếu của ngân sách Nhà nước: Một nền tài chính quốc gia lành mạnh phải dựa vào nguồn thu từ nội bộ nền kinh tế quốc dân, thuế là công cụ quan trọng nhất để phân phối và phân phối lại tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc. Đặc biệt trong tình hình hiện nay, nguồn thu từ viện trợ nước ngoài đã giảm nhiều, kinh tế đối ngoại chuyển thành quan hệ “có vay, có trả”, thuế phải là công cụ góp phần giảm bội chi ngân sách, giảm lạm phát, từng bước góp phần ổn định xã hội, chuẩn bị điều kiện và tiền đề cho việc phát triển lâu dài.

Để phát huy được vai trò này đòi hỏi thuế phải bao quát mọi nguồn thu, phải xây dựng hệ thống thuế ổn định. Mỗi sắc thuế chỉ nên đảm nhiệm một số chức năng, mục đích nhất định, đồng thời hỗ trợ, bổ sung lẫn nhau để phát huy toàn diện tác dụng của cả hệ thống thuế. Không vì mức độ viên thuế vào ngân sách nhà nước mà việc đánh thuế dẫn đến tình trạng “*Thuế diệt Thuế*”, chính sách động viên vào ngân sách nhà nước là “*Thuế phải nuôi dưỡng Thuế*” tức là thuế phải phù hợp với khả năng nền kinh tế và khả năng của doanh nghiệp. Thuế phải ban hành thành luật nhằm tăng cường tính cưỡng chế của thuế. Nguồn tích lũy cho ngân sách chỉ có thể tăng nhiều và nhanh trên cơ sở nền kinh tế phát

triển và đạt hiệu quả cao. Song song đó phải có ý thức triệt để tiết kiệm của nhân dân trong sản xuất và tiêu dùng.

Thứ hai, Thuế là công cụ góp phần điều tiết vĩ mô nền kinh tế: Thuế có thể được sử dụng như một công cụ nhạy bén góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định giá cả, kích thích đầu tư tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững.

Thuế còn được coi là công cụ sắc bén được sử dụng nhằm đạt mục tiêu bảo hộ sản xuất nội địa và duy trì, tăng cường khả năng cạnh tranh của nền kinh tế trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Thứ ba, Thuế góp phần thực hiện sự bình đẳng, điều hòa thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội: Thuế được coi là công cụ sắc bén để phân phối lại sản phẩm xã hội nhằm đạt mục tiêu công bằng xã hội. Thực hiện công bằng xã hội trong phân phối thu nhập là một trong những vấn đề cơ bản của quá trình cải cách thuế, chỉ có công bằng xã hội mới tạo ra động lực phát triển kinh tế. Công bằng xã hội được thể hiện thông qua chính sách động viên giống nhau giữa các đơn vị, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế, có những điều kiện hoạt động và thu nhập như nhau, đảm bảo sự bình đẳng và công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ đối với mọi công dân, không có đặc quyền đặc lợi bất hợp lý cho đối tượng nào.

Tuy nhiên cần chú ý đảm bảo, khi thực hiện điều tiết thu nhập phải không có sự bất mãn trong nhân dân, cần phân biệt thu nhập cao một cách chính đáng, cũng như không thể đem những người có thu nhập thấp do làm ăn kém hiệu quả hay lười biếng, để so sánh hay đòi hỏi công bằng với những người làm ăn có hiệu quả, có đầu tư chất xám một cách nghiêm túc để tạo nên thu nhập cao chính đáng được.

Vai trò điều hòa thu nhập của thuế thể hiện ở sự kết hợp hài hòa giữa việc động viên, phù hợp với khả năng và tính chất của hoạt động sản xuất kinh doanh với việc tăng cường hiệu lực của hệ thống thuế bằng các chế độ, biện pháp thu thuế. Việc xây dựng và thực hiện chính sách thuế phải dựa vào những căn cứ vững chắc với sự phân tích toàn diện, khoa học về đặc điểm điều kiện sản xuất kinh doanh, tính chất hoạt động, mức thu nhập, nội dung kinh tế của thu nhập.

Nhưng cũng không phải mọi sắc thuế đều phải thực hiện chức năng này, mà chủ yếu là các loại thuế như: thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế chuyển nhượng và thừa kế tài sản...

Bình đẳng, công bằng xã hội không phải chỉ là đạo lý chung chung, mà phải được biểu hiện bằng những chính sách chế độ cụ thể, được thể chế hóa bằng các văn bản pháp quy rõ ràng. Việc xử lý vi phạm cần được thực hiện đúng pháp luật với bất cứ ai, không có ngoại lệ. Đặc biệt không thể kéo dài tình trạng người có thu nhập rất cao không góp gì cho ngân sách Nhà nước, hoặc chỉ góp lấy lệ. Càng không thể chấp nhận một số người dựa vào đặc quyền, ô dù trốn lậu thuế, thu nhập rất cao nhưng vẫn ngang nhiên không làm nghĩa vụ thuế theo pháp luật. Thông qua các sắc thuế ngân sách nhà nước huy động được sự đóng góp của các thành phần kinh tế, tổ chức kinh tế và các cá nhân nhằm điều chỉnh một phần thu nhập của các tầng lớp dân cư. Như vậy, thuế thật sự trở thành công cụ quan trọng của nhà nước để điều tiết và phân phối lại sự chênh lệch giữa các loại đối tượng trong xã hội.

1.4. Đặc điểm

Thứ nhất, thuế là hình thức chuyển giao thu nhập từ đối tượng nộp thuế cho nhà nước có thể bằng tiền hoặc hiện vật. Sự phát triển của quan hệ hàng hoá - tiền tệ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của thuế, đổi lại, nghĩa vụ của đối tượng nộp thuế được thực hiện bằng tiền hoặc hiện vật lại góp phần thúc đẩy sự phát triển của kinh tế thị trường. Trong điều kiện tình hình hiện tại ở Việt nam thì các khoản chuyển giao thu nhập từ đối tượng nộp thuế cho nhà nước được thực hiện bằng tiền.

Về nguyên tắc, thuế là một khoản trích nộp dưới hình thức tiền tệ, điều này trái ngược với các hình thức thanh toán bằng hiện vật đã tồn tại trước đây.

Thứ hai, thuế là khoản nộp bắt buộc được thực hiện thông qua con đường quyền lực: Dù được thực hiện dưới hình thức nào, thuế vẫn thể hiện tính chất bắt buộc, được thực hiện thông qua con đường quyền lực nhà nước (qua hệ thống pháp luật thuế). Do đó, đối tượng nộp thuế không có quyền trốn thuế hoặc mong muốn tự mình ấn định hay thoả thuận mức đóng góp của mình mà chỉ có quyền chấp thuận.

Thứ ba, thuế là khoản thu có tính chất xác định: Thuế là khoản thu xác định của các tổ chức thụ hưởng, đó là nhà nước, các cấp chính quyền địa phương.

Thứ tư, thuế là một khoản thu không có đối khoản cụ thể, không hoàn trả trực tiếp nhằm đáp ứng nhu cầu chi tiêu của nhà nước trong việc thực hiện các

chức năng quản lý xã hội, chức năng kinh tế - xã hội của nhà nước. Trái ngược với vay, thuế không được hoàn trả trực tiếp cho đối tượng nộp thuế.

2. Phân loại thuế

2.1. Phân loại theo phương thức đánh thuế

Thuế trực thu: là những loại thuế thu trực tiếp vào các thể nhân và pháp nhân khi có thu nhập được quy định nộp thuế. Đây là loại thuế mà người nộp thuế và người gánh chịu thuế là một, nghĩa là người nộp thuế không có khả năng chuyển gánh nặng thuế này cho người khác. Thuế trực thu trực tiếp động viên điều tiết thu nhập của người nộp thuế và nó không được tính vào khoản chi phí để trừ đi khi xác định thu nhập tính thuế của đối tượng nộp thuế.

Thuế gián thu: là những loại thuế đánh vào giá trị hàng hoá khi lưu chuyển trên thị trường, loại thuế này người trực tiếp nộp thuế chưa hẳn là người gánh chịu Thuế. Thuế gián thu là một yếu tố cấu thành trong giá cả hàng hóa và dịch vụ nhằm động viên sự đóng góp của người tiêu dùng. Người sản xuất, kinh doanh nộp thuế, nhưng thực chất thuế này đánh vào người tiêu dùng và đã được trả qua giá mua hàng, giá dịch vụ. Thuế gián thu tính vào chi phí và được trừ đi khi xác định thu nhập tính thuế của đối tượng nộp thuế.

Về mặt tâm lý thuế gián thu ít gây phản ứng đối với người gánh chịu thuế hơn thuế trực thu. Đồng thời có khuynh hướng ổn định hơn thuế trực thu, vì thậm chí khi nền kinh tế suy thoái, thì người ta vẫn phải mua sắm và tiêu dùng cho những nhu cầu thiết yếu, Nhà nước vẫn thu được thuế.

Còn thuế trực thu đánh vào thu nhập nên thường thiếu ổn định, vì nó phụ thuộc vào sự tăng giảm của hiệu quả kinh tế, của thu nhập dân cư và doanh nghiệp. Tuy nhiên thuế trực thu là loại thuế công bằng hơn cả, vì đánh lũy tiền trực tiếp vào thu nhập. Thực tế cho thấy, sự gánh chịu thuế chỉ mang tính chất tương đối, nhằm thuận tiện cho việc quản lý và nghiên cứu về hệ thống thuế. Thực chất người chịu thuế là người bán hay người mua rất khó phân biệt, điều này phụ thuộc vào giá cả bán mặt hàng đó, hay nói cách khác là tùy thuộc vào độ co giãn về cung cầu của mặt hàng đó trên thị trường.

2.2. Phân loại theo đối tượng chịu thuế

Thuế thu nhập: là những loại thuế có đối tượng chịu thuế là thu nhập nhận được. Ví dụ: Thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế tiêu dùng: là những loại thuế có đối tượng chịu thuế là phần thu nhập được mang tiêu dùng trong hiện tại. Ví dụ: Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt.

Thuế tài sản là loại tên gọi chung của các sắc thuế đánh vào quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tài sản. Thuế được thu hàng năm một lần. Sắc thuế tài sản phổ biến nhất là thuế bất động sản (ở một số nước, chính quyền tách bất động sản thành nhà ở và đất ở và tương ứng là hai sắc thuế riêng). Thời phong kiến Việt nam, thuế điền thổ còn gọi là thuế ruộng đất là một loại thuế tài sản phổ biến. Cơ sở tính thuế là giá trị của tài sản. Để giảm thiểu hành vi trốn lậu thuế, các nước đều thành lập cơ quan định giá tài sản. Về nguyên tắc, mọi cá nhân (hộ gia đình) có sở hữu hay sử dụng tài sản đều phải đóng thuế tài sản, tuy nhiên trong trường hợp tài sản có giá trị nhỏ đến mức mà số thuế thu được trở nên không có ý nghĩa khi xét thêm chi phí của công tác thu thuế, chính quyền sẽ quyết định mức thuế phải nộp là 0.

2.3. Phân loại theo mức thuế

Thuế đánh theo tỷ lệ phần trăm: là những loại thuế áp dụng một tỷ lệ hoặc phần trăm, hoặc lần trên các cơ sở tính thuế bao gồm thuế lũy tiến, thuế lũy thoái, thuế tỷ lệ cố định.

Thuế lũy tiến là loại thuế có thuế suất tăng dần theo sự tăng lên của cơ sở tính thuế (thường là thu nhập chịu thuế hoặc trị giá tài sản chịu thuế). Có hai loại thuế lũy tiến: thuế suất lũy tiến từng phần và thuế suất lũy tiến toàn phần.

Thuế lũy tiến từng phần là loại thuế áp dụng nhiều mức thuế khác nhau. Ví dụ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương và tiền công hiện nay, thì sau khi giảm trừ gia cảnh phần còn lại phải đóng thuế là: 0-5 triệu đồng/tháng thì đóng 5%; 5-10 triệu đồng/tháng 10%; 10-18 triệu đồng/tháng đóng 15%;...

Thuế lũy tiến toàn phần biểu thuế cũng gồm nhiều bậc, ứng với mỗi bậc là một mức thuế suất và thuế suất cũng tăng dần theo sự tăng của cơ sở tính thuế. Khác với thuế suất lũy tiến từng phần, số thuế phải nộp được tính bằng cách lấy toàn bộ cơ sở thuế áp dụng mức thuế suất tương ứng, như thuế suất thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn. Ví dụ: thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn là 30 triệu đồng nộp thuế theo thuế suất 20% ; tiền thuế phải nộp là 6 triệu đồng.

Thuế lũy thoái là loại thuế mà khi mà cơ sở thuế (đối tượng nộp thuế có thu nhập) càng cao thì nộp ít hơn khi có cơ sở thuế thấp. Ví dụ: Nếu anh có thu nhập 5 triệu đồng thì nộp thuế 10%, nhưng nếu anh có thu nhập 10 triệu đồng thì sẽ nộp thuế suất 8%, còn thu nhập 20 triệu đồng thì nộp thuế suất 5% chẳng hạn.

Hiện nay pháp luật thuế Việt Nam cũng như phổ biến ở nhiều nước trên thế giới không quy định loại thuế lũy thoái. Việc áp dụng biểu thuế lũy thoái trong thu thuế mang tính cá biệt ở một số nước.

Thuế tỷ lệ cố định là loại thuế áp dụng một tỷ lệ không thay đổi khi thu nhập của người nộp thuế tăng hay giảm

Thuế tuyệt đối: là thuế được ấn định bằng số tiền nhất định tính trên một đơn vị hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

3. Các yếu tố cơ bản cấu thành nên một sắc thuế

3.1. Tên gọi của sắc thuế

Tên gọi của mỗi sắc thuế thể hiện đối tượng tác động của sắc thuế hoặc mục tiêu của việc áp dụng sắc thuế đó. Ví dụ, thuế “giá trị gia tăng” cho ta thấy loại thuế này chỉ đánh vào phần giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ sau mỗi lần chúng được luân chuyển; thuế “thu nhập doanh nghiệp” đánh trên thu nhập của doanh nghiệp; thuế “tiêu thụ đặc biệt” đánh vào việc tiêu dùng các hàng hoá, dịch vụ đặc biệt được sản xuất hoặc nhập khẩu...

3.2. Đối tượng chịu thuế

Đối tượng chịu thuế chỉ rõ thuế đánh vào cái gì (hàng hóa, thu nhập hay tài sản...). Mỗi một luật thuế có một đối tượng chịu thuế riêng, chẳng hạn đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng là hàng hóa và dịch vụ sản xuất và tiêu dùng trong nước, còn đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng có tính chất đặc biệt, đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập từ hoạt động kinh doanh, còn đối tượng chịu thuế thu nhập cá nhân là thu nhập của các cá nhân.

3.3. Đối tượng nộp thuế

Trong một luật thuế thường quy định rõ ai phải nộp thuế và người đó được gọi là đối tượng nộp thuế.

Đối tượng nộp thuế có thể là thể nhân hoặc pháp nhân mà được luật pháp xác định có trách nhiệm phải nộp thuế cho nhà nước và gọi là người nộp thuế. Do tồn tại cơ chế chuyển dịch gánh nặng của thuế nên người nộp thuế có thể không đồng nhất với người chịu thuế.

3.4. Cơ sở tính thuế

Cơ sở tính thuế là đại lượng được xác định làm căn cứ tính thuế. Cơ sở tính thuế có thể đồng thời là đối tượng chịu thuế song cũng có thể khác đối tượng chịu thuế về hình thái biểu hiện. Chẳng hạn, đối tượng chịu thuế nhập khẩu là hàng hóa nhập khẩu chịu thuế (đơn vị định tính) nhưng cơ sở tính thuế là trị giá trị hải quan của hàng hóa nhập khẩu (đơn vị định lượng). Tuy nhiên, đối tượng chịu thuế thường rộng hơn cơ sở tính thuế, bởi vì có thể tồn tại mức tối thiểu không phải nộp thuế, miễn giảm thuế... Một cơ sở tính thuế, sau khi tính và nộp một loại thuế tương ứng có thể trở thành cơ sở của một loại thuế khác.

3.5. Thuế suất

Thuế suất là mức thuế phải nộp trên một đơn vị khối lượng chịu thuế. Định mức thu thuế (tỉ lệ %) tính trên khối lượng thu nhập hoặc giá trị tài sản chịu thuế. Thuế suất có các loại: thuế suất lũy tiến, thuế suất cố định tuyệt đối, thuế suất lũy thoái...

3.6. Quy trình khai báo, thủ tục và trách nhiệm, nghĩa vụ của người nộp thuế

Thủ tục kê khai, thu nộp, quyết toán thuế :

Quy định rõ hình thức thu nộp, thủ tục thu nộp, kê khai, quyết toán thuế, thời gian thu nộp... nhằm đảm bảo sự minh bạch, rõ ràng của chính sách, tạo cơ sở pháp lý để xử lý các trường hợp vi phạm luật thuế. Ngoài các yếu tố cơ bản trên đây, trong các sắc thuế còn quy định rõ trách nhiệm quyền hạn của cơ quan thuế và các cơ quan liên quan trong quá trình thi hành luật thuế; các hình thức vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý vi phạm hành chính...

Trách nhiệm, nghĩa vụ của đối tượng nộp thuế:

Yếu tố này quy định trách nhiệm, nghĩa vụ của đối tượng nộp thuế trong quá trình thi hành luật thuế, ví dụ như, nghĩa vụ về đăng ký, kê khai, thu nộp thuế; nghĩa vụ về thực hiện chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ; nghĩa vụ về khai báo, cung cấp các thông tin cần thiết cho việc tính và thu thuế...

Việc quy định trách nhiệm, nghĩa vụ của đối tượng nộp thuế một mặt nhằm nâng cao ý thức tự giác chấp hành luật thuế, đưa việc thực thi luật thuế vào nề nếp, kỷ cương; mặt khác, là cơ sở pháp lý để xử lý các vi phạm về thuế, đảm bảo sự kiểm soát, quản lý của cơ quan thuế đối với quá trình chấp hành luật thuế được chặt chẽ, kịp thời.

4. Câu hỏi luyện tập

Hãy chọn phương án đúng nhất cho các câu hỏi dưới đây:

Câu 1: Thuế là khoản thu ...

- a. mang tính bắt buộc của Nhà Nước đối với các tổ chức và cá nhân.
- b. không mang tính bắt buộc của Nhà Nước đối với các tổ chức và cá nhân.
- c. thứ yếu và Nhà nước còn nhiều khoản thu khác.
- d. duy nhất của Nhà nước.

Câu 2: Thuế tạo nguồn thu chủ yếu cho NSNN vì:

- a. Thuế thể hiện ý chí của Nhà Nước.
- b. Thuế đóng vai trò điều tiết vĩ mô.
- c. Nguồn thu từ thuế chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu NSNN.
- d. Tất cả các đáp án đều đúng.

Câu 3: Nhà nước thu thuế để:

- a. Chứng tỏ quyền lực của Nhà nước.
- b. Phục vụ cho hoạt động chi tiêu công của Nhà nước.
- c. Phục vụ cho hoạt động từ thiện.
- d. Tất cả các đáp án đều đúng.

Câu 4: Vai trò của thuế là:

- a. Thuế là khoản thu chủ yếu của ngân sách Nhà nước.
- b. Thuế là công cụ góp phần điều tiết vĩ mô nền kinh tế.
- c. Thuế góp phần thực hiện sự bình đẳng, điều hòa thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội.
- d. Tất cả các đáp án.